

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST

Ngày: 06/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Lê Trí Thông
Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Tiêm – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Nhãn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh năm 1960; Nơi thường trú: Khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Phạm Thị H (chết); Vợ tên Nguyễn Thị D có 02 con sinh năm 1991 và 1994; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn V – Trưởng Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn V – Thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị hại:

1. Lê Minh V, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Khóm T, phường Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. Lâm Thí N, sinh năm 1991; Nơi thường trú: Khóm T, phường Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Nhất C, sinh năm 1976; Nơi thường trú: Ấp H, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.
2. Huỳnh Thị B, sinh năm 1953; Nơi thường trú: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).
3. Phan Thanh L, sinh năm 1978; Nơi thường trú: Khu phố 3, phường 8, thành phố T, tỉnh Bến Tre; Nơi ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.
4. Trương Xí Đ, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: Tổ 3, ấp 4, xã P, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.
5. Sơn Hoàng D, sinh năm 1981; Nơi thường trú: Ấp L, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).
6. Thạch Thị Ngọc N, sinh năm 1981; Nơi thường trú: Ấp L, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: Ấp H, xã B, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).
7. Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; Nơi thường trú: Khóm 1, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn D và vợ là bà Nguyễn Thị D có 03 thửa đất cụ thể như sau: Thửa đất số 266, tờ bản đồ số 5, diện tích: 1.458,4 m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc ấp Đ, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, được Ủy ban nhân dân huyện M (nay là thị xã M), Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông D và bà D vào ngày 28/02/2013; Thửa đất số 355, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.180,5m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc xã Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D vào ngày 23/8/2019; Thửa đất số 356, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.501,2 m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc xã Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà D vào ngày 23/8/2019.

Trong quá trình sử dụng 03 thửa đất trên thì bị cáo D và bà D đã chuyển nhượng hết toàn bộ quyền sử dụng 03 thửa đất nêu trên cho những người như sau: Chuyển nhượng thửa đất số 266 cho ông Phan Thanh L, sinh năm: 1878, thường trú: Khu phố 3, phường 8, TP. T, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/9/2019; Chuyển nhượng thửa đất số 356 cho bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 1953, thường trú: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/9/2019; Chuyển nhượng thửa đất số 355 cho anh Trương Xí Đ, sinh năm: 1990, thường trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 17/10/2019.

Đến khoảng đầu năm 2020, do bị cáo D nợ tiền của nhiều người nhưng không có khả năng chi trả nên bị cáo nhờ anh Trần Nhất C (là chỗ quen biết) tìm người có nhu cầu mua đất để bán dùm D 03 thửa đất (thửa 266, 355, 356) mà bị cáo D và bà D đã chuyển nhượng cho người khác và bị cáo D chỉ cho anh C vị trí 03 thửa đất mà bị cáo đã bán.

Đến tháng 3/2020, anh Lê Minh V có nhu cầu mua đất nên có nhờ anh C giới thiệu dùm. Sau đó, anh C giới thiệu và dẫn anh V đi xem vị trí thửa đất mà bị cáo D nhờ C bán thì anh V có ý định muốn mua nên anh V nhờ anh C hẹn gặp bị cáo D. Sau đó, bị cáo D gặp anh V và anh C tại vị trí của 03 thửa đất (thửa 266, 355, 356) mà D kêu bán và chỉ vị trí cho anh V biết. Sau khi bị cáo D dẫn anh V xem đất xong thì bị cáo đưa cho anh V 03 bản pho to giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 thửa đất 266, 355 và 356 để làm tin và bị cáo nói dối với anh V là 03 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 thửa đất này đã thế chấp cho người khác. Lúc này, do bị cáo D và anh V chưa thỏa thuận xong giá chuyển nhượng nên anh V chưa đồng ý mua 03 thửa đất này. Sau đó, anh V nhờ anh C thỏa thuận với bị cáo giá mua đất là 70.000.000 đồng/1000 m² thì bị cáo D đồng ý bán 03 thửa đất 266, thửa 355 và thửa 356 với tổng diện tích là: 5.140,1m² cho anh V, bị cáo kêu anh V đặt cọc trước 160.000.000 đồng cho bị cáo để bị cáo lấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp về làm thủ tục chuyển nhượng. Đến ngày 03/4/2020, anh V cùng với anh C đến nhà của bị cáo D để ký hợp đồng đặt cọc mua 03 thửa đất với số tiền 160.000.000 đồng, nội dung hợp đồng thỏa thuận trong thời gian đặt cọc từ ngày 03/4/2020 đến ngày 16/4/2020 thì bị cáo sẽ làm các thủ tục pháp lý để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh V. Lúc này, do anh V chưa có đủ tiền nên hẹn với bị cáo sẽ đưa tiền cọc sau. Khoảng 03 ngày sau, anh V hẹn gặp bị cáo D tại quán nước (gần chợ Đông Bình) thuộc Khóm T, phường Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, rồi anh V gọi điện thoại cho vợ là Lâm Thị

N mang 160.000.000 đồng đến đưa cho anh V, anh V lấy 160.000.000 đồng đưa cho bị cáo D để đặt cọc mua đất. Toàn bộ số tiền đặt cọc 160.000.000 đồng mà anh V giao cho bị cáo D thì bị cáo đã sử dụng hết vào việc trả nợ (trong đó có trả nợ cho Thạch Thị Ngọc N số tiền là 20.000.000 đồng). Sau khi bị cáo D nhận được tiền đặt cọc từ anh V thì nhiều lần xin anh V gia hạn thêm thời gian để bị cáo làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh V. Anh V thấy bị cáo D không làm thủ tục chuyển nhượng đất thì đòi lại tiền cọc nhưng bị cáo D không trả mà cố tình lẩn tránh, anh V có đến nhà gặp bà D và nhờ người quen hỏi thăm thì biết được 03 thửa đất mà bị cáo D bán cho anh V đã được bị cáo D và bà D chuyển nhượng cho người khác nên ngày 28/8/2022 anh V gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh yêu cầu D trả lại số tiền đặt cọc 160.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận.

Trong quá trình Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của anh V, xét thấy hành vi của D có dấu hiệu của tội phạm nên đã gửi công văn kiến nghị khởi tố vụ án và gửi toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan điều tra Công an thị xã Bình Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra: Nguyễn Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Xét thấy hành vi của Nguyễn Văn D có đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 14/9/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã Bình Minh đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn D về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản để điều tra xử lý.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSBM ngày 13/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn D để xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:

Bị cáo D khai nhận vào đầu năm 2020 do thiếu nợ nhiều người không có khả năng chi trả, trong lúc chờ kết quả thi hành án của Chi cục thi hành dân sự huyện Tam Bình về việc ông N và bà L trả cho bị cáo số tiền 160.000.000 đồng nên bị cáo nảy sinh ý định tìm người tiếp tục bán 03 thửa đất 266, 355, 356 mà bị cáo và vợ là bà D đã chuyển nhượng cho người khác để có tiền trả nợ. Qua giới thiệu của anh C nên bị cáo thỏa thuận với anh V bán 03 thửa đất nêu trên với giá 70.000.000 đồng/1.000m² và nhận 160.000.000 đồng tiền vợ chồng anh V đặt cọc

mua 03 thửa đất và sử dụng hết số tiền này để trả nợ. Sau khi nhận tiền đặt cọc mua đất, bị cáo không thực hiện việc chuyển nhượng đất cho anh V và bỏ đi Bắc Giang, có nhắn tin hứa sẽ trả lại tiền đặt cọc mua đất cho anh V. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng án treo để có điều kiện đi làm kiếm tiền trả nợ cho bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện trả cho các bị hại số tiền 3.000.000đồng, đối với số tiền 157.000.000đồng còn lại bị cáo đồng ý tiếp tục trả cho các bị hại. Bị cáo xin được miễn án phí.

Luật sư Nguyễn Văn V là người bào chữa cho bị cáo thống nhất với tội danh theo bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo D nhưng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bị cáo D phạm tội trong trường hợp bị dồn ép do thiếu nợ nhiều người, bị cáo có điều kiện trả nợ nhưng do Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Bình chưa thi hành án được; Bị cáo D có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được Ban Chấp hành Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Vĩnh Long tặng bằng khen, bị cáo và vợ là bà D được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng kỉ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục; bị cáo có anh ruột là liệt sĩ, chị ruột là “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” và có anh ruột được Bộ Tư pháp tặng Huy chương vì sự nghiệp Tư pháp, được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tặng bằng khen, kỉ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án; Bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Do đó để tạo điều kiện cho bị cáo đi làm có tiền trả nợ cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo, cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị hại Lê Minh V và Lâm Thí N đồng ý nhận số tiền 3.000.000đồng do bị cáo trả lại và yêu cầu bị cáo D tiếp tục trả lại số tiền 157.000.000đồng đã chiếm đoạt; Do bị cáo đã lớn tuổi và để tạo điều kiện cho bị cáo đi làm kiếm tiền trả nợ cho các bị hại nên yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Nhất C, Phan Thanh L, Trương Xí Đ, Nguyễn Thị D không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị B, Sơn Hoàng D, Thạch Thị Ngọc N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự

tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn D tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Áp dụng các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; Do hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo D có trách nhiệm trả lại cho bị hại V và N số tiền 157.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Do bị cáo D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo D: Bị cáo đã ăn năn, hối cải nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị B, Sơn Hoàng D, Thạch Thị Ngọc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị B, Sơn Hoàng D, Thạch Thị Ngọc N.

[2] Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Văn D, bị hại Lê Minh V và Lâm Thí N cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Nhất C, Phan Thanh L, Trương Xí Đ, Nguyễn Thị D tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay phù hợp với biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản làm việc, bản tự khai của bị cáo cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định do không có tiền trả nợ nên đầu năm 2020 bị cáo D tìm người có nhu cầu mua đất rồi giả vờ chuyển nhượng 03 thửa đất gồm: thửa đất số 266 diện tích 1.458,4 m², thửa đất số 355 diện tích 1.180,5 m², thửa đất số 356 diện tích: 2.501,2 m² cùng thuộc tờ bản đồ số 5, tọa lạc xã Đ, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long mà bị cáo D và bà D đã chuyển nhượng thửa 266 cho Phan Thanh L vào ngày 03/9/2019, chuyển nhượng thửa 356 cho Huỳnh Thị B vào ngày 04/9/2019, chuyển nhượng thửa 355 cho Trương

Xí Đ vào ngày 17/10/2019 để chiếm đoạt số tiền đặt cọc mua đất 160.000.000đồng của vợ chồng Lê Minh V và Lâm Thí N. Sau khi chiếm đoạt số tiền 160.000.000đồng thì bị cáo đã trả nợ 20.000.000đồng cho Thạch Thị Ngọc N còn lại số tiền 140.000.000đồng thì bị cáo không nhớ đã trả cho ai. Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tác động rất xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân địa phương. Bị cáo là người có trình độ, là Đảng viên đủ nhận thức để biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo biết rõ các thửa đất nêu trên bị cáo và bà D không còn quyền quản lý, sử dụng nữa nhưng vẫn dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền đặt cọc mua đất của các bị hại cho nên cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm ở địa phương. Tuy nhiên, bị cáo D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo được Ban Chấp hành Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Vĩnh Long tặng bằng khen, bị cáo và vợ là bà D được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng kỉ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục; bị cáo có anh ruột là liệt sĩ và có anh ruột được Bộ Tư pháp tặng Huy chương vì sự nghiệp Tư pháp, được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tặng bằng khen, kỉ niệm chương vì sự nghiệp Tòa án, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại, các bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có thể đi làm kiếm tiền trả cho các bị hại, bị cáo là người cao tuổi. Do đó áp dụng các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo D dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Xét thấy bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3] Về các vấn đề khác:

[3.1] Về trách nhiệm dân sự: Do tại phiên tòa, các bị hại đồng ý nhận lại số tiền 3.000.000 đồng nên cần buộc bị cáo D có trách nhiệm tiếp tục trả lại số tiền 157.000.000 đồng cho bị hại V và N.

[3.2] Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Trần Nhất C và bà Nguyễn Thị D không biết việc bị cáo D dùng thủ đoạn gian dối lừa anh V mua 03 thửa đất mà D và bà D đã chuyển nhượng cho người khác để chiếm đoạt số tiền 160.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

- Đối với chị Thạch Thị Ngọc N không biết số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo D trả là phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bị cáo D là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo D theo quy định của pháp luật.

[5] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận đề nghị.

Xét lời đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận đề nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 06/02/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Văn D.

3. Về các vấn đề khác:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn D có trách nhiệm trả lại cho bị hại Lê Minh V và Lâm Thị N số tiền 157.000.000đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Về trách nhiệm do chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Trần Nhất C và bà Nguyễn Thị D không biết việc bị cáo D dùng thủ đoạn gian dối lừa anh V mua 03 thửa đất mà D và bà D đã chuyển nhượng cho người khác để chiếm đoạt số tiền 160.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

- Đối với chị Thạch Thị Ngọc N không biết số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo D trả là phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn D.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo Nguyễn Văn D và bị hại Lê Minh V và Lâm Thí N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Nhất C, Phan Thanh L, Trương Xí Đ, Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị B, Sơn Hoàng D, Thạch Thị Ngọc N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Công an TX Bình Minh: 01;
- Trại giam: 01;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Bị cáo, bị hại: 11;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy Quỳnh